Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Ngày soạn: 01/11/2026
Giáo viên: Nguyễn Thị Linh
Lớp dạy: 11/3, 11/8, 11/9
Thời gian: tuần 11, 12

KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Diện tích: khoảng 4,5 triệu km^2
Số dân: 668,4 triệu người (năm 2020)

TIẾT 22, 23. BÀI 11. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.

2. Năng lực:

a) Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động tìm kiếm, thu thập tài liệu để phục vụ việc giải quyết các nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm hiệu quả, phân công nhiệm vụ rõ ràng, trình bày báo cáo lưu loát.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ, internet…

b) Năng lực đặc thù:

- Nhận thức khoa học địa lí: Xác định được vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và đặc điểm dân cư, xã hội của khu vực Đông Nam Á. Phân tích được các ảnh hưởng của chúng đối với kinh tế - xã hội khu vực.
- Tìm hiểu địa lí: Biết khai thác, sử dụng bản đồ, số liệu, thông tin để làm rõ kiến thức địa lí.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí, phạm vi lãnh thổ; Đặc điểm tự nhiên; Đặc điểm dân cư, xã hội các nước Đông Nam Á. Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí, phạm vi lãnh thổ; Đặc điểm tự nhiên; Đặc điểm dân cư, xã hội các nước Đông Nam Á.

c) Năng lực số:

Tích hợp BĐKH và môi trường: Tác động của nước biển dâng, bão lũ và suy giảm tài nguyên rừng, sinh vật, biển tại ĐNA.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước.
- Nhân ái: Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hóa cá nhân.
- Chăm chỉ: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Trung thực: Nhận thức và hành động theo lẽ phải.
- Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- GV: Máy tính cá nhân, Tivi, máy chiếu... kết nối mạng Internet.

- HS: Thiết bị số cá nhân (điện thoại thông minh/máy tính bảng) có kết nối mạng di động/Wifi.

2. Học liệu:

- SGK Địa lí 11.
- Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á.
- Giấy khổ lớn (A4, A0), bút dạ, bút màu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

Tiết	Ngày dạy	Lớp	Sĩ số	Ghi chú

2. Kiểm tra bài cũ: GV kiểm tra, nhận xét, đánh giá sản phẩm hoạt động vận dụng ở nhà của nhóm HS.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu:

- Tạo hứng thú, khơi gợi trí tò mò của HS về khu vực Đông Nam Á để dẫn dắt vào bài mới.

b) Nội dung: HS quan sát màn chiếu. Đọc, phân tích dữ kiện từ bài thơ lục bát do AI viết. Suy luận và trả lời câu hỏi để tìm ra đáp án

- Câu hỏi 1:

Bắt nguồn từ chốn non cao,
Chảy qua sáu nước, đổ vào Biển Đông?
(Đáp án: Sông Mê Công)

- Câu hỏi 2:

Mười một nước bạn kề vai,
Riêng tôi chẳng thấy sóng ngoài biển khơi?
(Đáp án: Lào)

- Câu hỏi 3:

Hạt ngọc nuôi sống muôn phương,
Cây gì gắn bó ruộng nương xóm làng?
(Đáp án: Cây lúa nước)

- Câu hỏi 4:

Vành đai nào lắm hiểm nguy,
Động đất, núi lửa chẳng khi nào dừng?
(Đáp án: Vành đai lửa Thái Bình Dương)

c) Sản phẩm: Câu trả lời trực tiếp của HS. Nhận diện đúng đáp án: Sông Mê Công, Lào, Cây lúa nước, Vành đai lửa Thái Bình Dương.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV trình chiếu slide câu đố AI. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS quan sát màn chiếu, suy nghĩ trong 30 giây/câu.
- HS vận dụng kiến thức, xâu chuỗi kiến thức để suy nghĩ câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi 4 HS phát biểu nhanh.
- Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động, câu trả lời của HS.
- GV dẫn dắt vào bài mới: *Đông Nam Á đang là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư và có nền kinh tế phát triển năng động trên thế giới. Các đặc điểm về vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội đã có ảnh hưởng như thế nào đến quá trình phát triển kinh tế của khu vực này?*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí

a) Mục tiêu:

- HS trình bày được đặc điểm phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí khu vực Đông Nam Á. Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với kinh tế - xã hội.

b) Nội dung: HS quan sát màn chiếu, SGK, hoạt động cặp đôi, hoàn thành yêu cầu.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tiêu chí	Nội dung
Phạm vi lãnh thổ	
Vị trí địa lí	
Ảnh hưởng của VTĐL và PVLT	

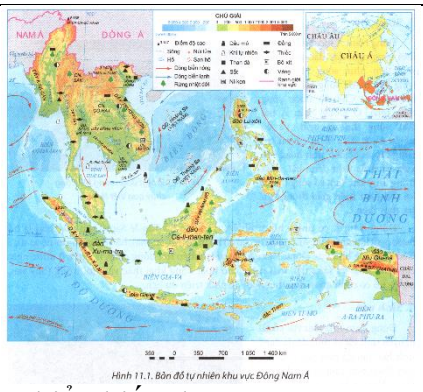

Hình 11.1. Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. PHẠM VI LÃNH THỔ VÀ VỊ TRÍ ĐỊA LÍ

Tiêu chí	Nội dung
Phạm vi lãnh thổ	- DT: Khoảng 4,5 triệu km^2. - Gồm 11 quốc gia (2 bộ phận): + Lục địa: Cam-pu-chia, Lào, Mi-an-ma, Thái Lan, Việt Nam. + Hải đảo: Bru-nây, Đông Ti-mo, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po. - Ngoài ra, ĐNA còn có vùng biển rộng.
Vị trí địa lí	- Nằm ở phía đông nam của châu Á. - Tọa độ: + Từ 28°B đến 10°N + Từ 92°Đ đến 152°Đ. - Tiếp giáp: + Phía bắc giáp khu vực Đông Á. + Phía tây giáp khu vực Nam Á và vịnh Ben-gan.

		+ Phía đông giáp Thái Bình Dương. + Phía nam giáp Ô-xtrây-li-a và Ấn Độ Dương. - Là cầu nối giữa lục địa Á-Âu với lục địa Ô-xtrây-li-a. - Là nơi giao thoa giữa các luồng sinh vật và các vành đai sinh khoáng. - Có nhiều tuyến đường biển quốc tế quan trọng đi qua, đặc biệt có eo biển Ma-lắc-ca là đầu mối hàng hải lớn. - Vị trí địa - chính trị quan trọng, là nơi giao thoa của các nền văn hóa lớn.
	Ảnh hưởng của VTĐL và PVLT	**** Thuận lợi:*** - Tạo nên một khu vực có TNTN phong phú, thuận lợi cho giao lưu, phát triển kinh tế. - Tạo nên sự năng động về kinh tế, sự đa dạng về văn hóa, xã hội của khu vực. **** Khó khăn:*** - Có nhiều thiên tai: bão, động đất, núi lửa, sóng thần,… - Bảo vệ chủ quyền và ANQP.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành các cặp đôi, dựa vào SGK trang 46 và sự hiểu biết của bản thân để hoàn thành phiếu học tập số 1.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Các cặp tự phân công nhiệm vụ..
- HS hoạt động trong khoảng thời gian: 03 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu đại diện 1-2 cặp báo cáo kết quả.
- Các cặp khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá kết quả của HS.
- Chốt kiến thức cơ bản lên màn chiếu.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

a) Mục tiêu:

- HS trình bày và phân tích được đặc điểm điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của khu vực.

b) Nội dung: HS quan sát màn chiếu, SGK, hoạt động nhóm, hoàn thành yêu cầu.

- **Nhóm 1:** Phân tích đặc điểm và ảnh hưởng của địa hình và đất
- **Nhóm 2:** Phân tích đặc điểm và ảnh hưởng của khí hậu.
- **Nhóm 3:** Phân tích đặc điểm và ảnh hưởng của sông, hồ.
- **Nhóm 4:** Phân tích đặc điểm và ảnh hưởng của sinh vật.
- **Nhóm 5:** Phân tích đặc điểm và ảnh hưởng của khoáng sản.
- **Nhóm 6:** Phân tích đặc điểm và ảnh hưởng của biển.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA ……

Đặc điểm	Ảnh hưởng

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1. Địa hình và đất

Đặc điểm	Ảnh hưởng
- Đông Nam Á lục địa: + Địa hình núi bị chia cắt mạnh. Chủ yếu là đất feralit. + Có các đồng bằng châu thổ do các hệ thống sông lớn bồi đắp. Chủ yếu là đất phù sa.	- Thuận lợi phát triển nông nghiệp với cơ cấu đa dạng. - Khó khăn cho phát triển giao thông, giao lưu kinh tế, định cư, nhiều thiên tai.
- Đông Nam Á hải đảo: + Chủ yếu là núi trẻ với nhiều núi lửa. + Các đồng bằng phần lớn nhỏ hẹp nằm ven biển. + Đất khá màu mỡ.	- Thuận lợi để phát triển du lịch, giao thông vận tải, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản. - Khó khăn: Chịu ảnh hưởng nhiều của thiên tai.

2. Khí hậu

Đặc điểm	Ảnh hưởng
- Chủ yếu nằm trong các đới khí hậu xích đạo và nhiệt đới. - Phân hóa đa dạng: + Đông Nam Á lục địa và phần lớn lãnh thổ Phi-líp-pin có kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa là chủ yếu. + Khu vực Đông Nam Á hải đảo có khí hậu nhiệt đới gió mùa, khí hậu xích đạo và cận xích đạo. + Ở các khu vực có địa hình núi cao, khí hậu có sự phân hóa theo đai cao.	* Thuận lợi: - Thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với nhiều sản phẩm có giá trị xuất khẩu. - Thuận lợi để phát triển du lịch và cư trú. * Khó khăn: Nhiều thiên tai: như bão, lũ lụt, hạn hán,...

3. Sông, hồ

Đặc điểm	Ảnh hưởng
- Lục địa: mạng lưới sông ngòi dày đặc: Mê Công, I-ra-oa-đi, Hồng, Mê Nam,… Chế độ nước theo mùa. - Hải đảo: sông ngắn, nhiều nước. - Có nhiều hồ nước ngọt, lớn nhất là Biển Hồ (hồ Tông-lê Sáp)	* Thuận lợi: - Giao thông đường thủy. - Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. - Sản xuất điện, phát triển du lịch,... - Cung cấp nước cho sinh hoạt. * Khó khăn: - Một số sông có độ dốc lớn, gây trở ngại cho giao thông. - Thường xảy ra lũ, lụt.

4. Sinh vật

Đặc điểm	Ảnh hưởng
- Có tài nguyên sinh vật và mức độ đa dạng sinh học phong phú bậc nhất thế giới. - Diện tích rừng nhiệt đới khoảng 2 triệu km^2 - Trong rừng có nhiều loại gỗ quý, trữ lượng lớn như lim, nghiến, táu,...	* Thuận lợi: - Lâm nghiệp. - Công nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ. - Thủy sản. - Du lịch,... * Khó khăn: Rừng đang bị khai thác quá mức. Cần chú ý đến vấn đề môi trường và suy giảm đa dạng sinh học.

5. Khoáng sản

Đặc điểm	Ảnh hưởng
- Nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng - Một số khoáng sản tiêu biểu: thiếc, đồng, sắt, than, dầu mỏ, khí tự nhiên,...	* Thuận lợi: - Cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành kinh tế. - Là nguồn hàng xuất khẩu. * Khó khăn: - Quá trình khai thác và chế biến dễ gây ô nhiễm môi trường. - Có nguy cơ cạn kiệt.

EM CÓ BIẾT?

Ma-lai-xi-a chiếm tới 50% trữ lượng thiếc toàn thế giới. In-đô-nê-xi-a chiếm khoảng 7,5% trữ lượng đồng, 13% trữ lượng sắt, 5% trữ lượng ni-ken toàn cầu và nằm trong số 6 quốc gia có trữ lượng than đá lớn nhất thế giới. Việt Nam giàu sắt, than đá, dầu mỏ, bô-xít. Phi-líp-pin giàu quặng crôm và ni-ken nhất khu vực.

6. Biển

Đặc điểm	Ảnh hưởng
- Có vùng biển rộng lớn, thông ra Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. - Vùng biển giàu hải sản, khoáng sản, có nhiều bãi biển đẹp, nhiều vịnh biển,...	* Thuận lợi: Phát triển các ngành kinh tế biển: - Nuôi trồng và đánh bắt hải sản. - Khai thác khoáng sản. - Giao thông vận tải biển. - Du lịch biển,... * Khó khăn: - Một số loại tài nguyên biển bị khai thác quá mức. - Ô nhiễm môi trường biển.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành 6 nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2, ghi nôi dung thảo luận vào bảng phụ và treo lên bảng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Các nhóm tiến hành phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- HS hoạt động nhóm trong thời gian: 05 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét hoạt động của HS.
- Chốt hệ thống kiến thức lên màn chiếu.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về dân cư và xã hội

a) Mục tiêu:

- HS phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.

b) Nội dung: HS quan sát màn chiếu, SGK, hoạt động nhóm, hoàn thành yêu cầu.

Nhóm 1, 3: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA DÂN CƯ

Nội dung	Đặc điểm	Ảnh hưởng
Quy mô dân số		
Tỉ lệ gia tăng dân số		

Cơ cấu dân số		
Dân tộc		
Mật độ dân số		
Đô thị hóa		

Nhóm 2, 4: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4
PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA XÃ HỘI

Nội dung	Đặc điểm	Ảnh hưởng
Lịch sử và văn hóa		
Chất lượng cuộc sống		
Tôn giáo		
Chính trị, xã hội		

BẢNG 11.1. QUY MÔ, CƠ CẤU VÀ TỈ LỆ TĂNG TỰ NHIÊN CỦA DÂN SỐ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

Chỉ tiêu \ **Năm**		**2000**	**2010**	**2020**
Quy mô dân số *(triệu người)*		525,0	596,8	668,4
Cơ cấu dân số *(%)*:	- Dưới 15 tuổi	31,8	28,0	25,2
	- Từ 15 đến 64 tuổi	63,3	66,0	67,7
	- Từ 65 tuổi trở lên	4,9	6,0	7,1
Tỉ lệ tăng tự nhiên của dân số *(%)*		1,6	1,3	1,1

(Nguồn: Liên hợp quốc, 2022)

BẢNG 11.2. TUỔI THỌ TRUNG BÌNH VÀ SỐ NĂM ĐI HỌC TRUNG BÌNH CỦA NGƯỜI TỪ 25 TUỔI TRỞ LÊN CỦA MỘT SỐ NƯỚC KHU VỰC ĐÔNG NAM Á VÀ THẾ GIỚI NĂM 2000 VÀ NĂM 2020

Quốc gia	**Tuổi thọ trung bình** *(năm)*		**Số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên** *(năm)*	
	Năm 2000	**Năm 2020**	**Năm 2000**	**Năm 2020**
Bru-nây	74,1	74,8	8,3	9,2
Lào	58,4	68,5	3,9	5,4
Mi-an-ma	60,2	66,8	3,5	6,4
Xin-ga-po	79,1	82,9	9,2	11,9
Việt Nam	72,5	75,4	5,6	8,4
Thế giới	68	73	4,5	8,6

(Nguồn: Liên hợp quốc, 2022)



Hình 11.4. Bản đồ phân bố dân cư khu vực Đông Nam Á năm 2020


Hình 11.5. Một góc thành phố Gia-các-ta, In-đô-nê-xi-a

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

1. Dân cư

Nội dung	Đặc điểm	Ảnh hưởng
Quy mô dân số	Quy mô dân số lớn: 668, 4 triệu người, chiếm khoảng 8% số dân thế giới (năm 2020).	* Thuận lợi: - Có nguồn lao động dồi dào, giá rẻ. - Thị trường tiêu thụ hàng hóa rộng lớn. - Sự đa dạng về dân tộc góp phần tạo nên sự đa dạng về văn hóa, truyền thống, tập quán sản xuất. * Khó khăn: - Vấn đề giải quyết việc làm, an sinh xã hội, chăm sóc y tế,... - Phân bố dân cư chưa hợp lí gây ảnh hưởng đến việc sử dụng lao động và khai thác các nguồn tài nguyên. - Sự gia tăng dân số tại các đô thị cũng đặt ra các vấn đề về giao thông, nhà ở, việc làm, môi trường,...
Tỉ lệ gia tăng dân số	Có xu hướng giảm nhưng vẫn còn ở mức cao.	
Cơ cấu dân số	- Theo giới: tương đối cân bằng. - Theo tuổi: Có cơ cấu dân số trẻ nhưng đang có xu hướng già hóa.	
Dân tộc	Có nhiều dân tộc sinh sống.	
Mật độ dân số	- Cao so với mức trung bình của thế giới: 148 người/km^2. (năm 2020) - Phân bố không đều.	
Đô thị hóa	- Tỉ lệ dân thành thị chưa cao (năm 2020 là 49,9%) nhưng đang tăng nhanh. - Tỉ lệ dân thành thị có sự phân hóa giữa các quốc gia. - Đã hình thành nên các siêu đô thị như Ma-ni-la (Manila-Phi-líp-pin), Gia-các-ta (Jarkata-In-đô-nê-xi-a), Băng Cốc (Thái Lan),...	

2. Xã hội

Nội dung	Đặc điểm	Ảnh hưởng
Lịch sử và văn hóa	- Có lịch sử phát triển lâu đời. - Phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa có nhiều nét tương đồng.	- Thuận lợi: + Nền văn hóa đa dạng tạo thuận lợi để phát triển du lịch. + Thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài. + Thuận lợi để các quốc gia hợp tác cùng phát triển. - Khó khăn; + Đặt ra vấn đề về bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống.
Tôn giáo	- Có sự xuất hiện của hầu hết các tôn giáo lớn như: Thiên chúa giáo, Phật giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo,...	
Chất lượng cuộc sống	Đang được nâng lên nhưng vẫn còn chênh lệch nhiều.	

Tình hình chính trị, xã hội	Tương đối ổn định.	+ Có khoảng cách lớn trong phát triển kinh tế - xã hội giữa các quốc gia.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành các nhóm theo nhiệm vụ, ghi nôi dung thảo luận vào bảng phụ và treo lên bảng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Các nhóm tự phân công nhiệm vụ..
- HS hoạt động nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu đại diện 2 nhóm báo cáo kết quả và trình chiếu hình ảnh.
- Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá kĩ năng số của HS.
- Chốt kiến thức cơ bản lên màn chiếu.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kĩ năng vận dụng và liên hệ thực tế.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để hoàn thành yêu cầu:

Nhóm	Yêu cầu
1, 3	**1.** Thiên nhiên nhiệt đới có ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất nông nghiệp khu vực Đông Nam Á?
2, 4	**2.** Dựa vào bảng 11.2, hãy so sánh và rút ra nhận xét về số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên của một số nước Đông Nam Á.

c) Sản phẩm: Bài làm của nhóm HS

*** Tham khảo**

1. Thiên nhiên nhiệt đới có ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất nông nghiệp khu vực Đông Nam Á?

- Tác động tích cực:

+ Khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của nhiều loài động - thực vật, đặc biệt là cây lúa nước

+ Sự phân mùa khí hậu làm cho sản phẩm nông nghiệp đa dạng.

- Tác động tiêu cực:

+ Nền nhiệt và độ ẩm dồi dào nên có nhiều dịch bệnh phá hoại mùa màng và vật nuôi.

+ Lượng mưa tập trung vào một mùa dẫn đến lũ lụt, một mùa ít mưa dẫn đến khô hạn, gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp.

2. Dựa vào bảng 11.2, hãy so sánh và rút ra nhận xét về số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên của một số nước Đông Nam Á.

- Nhận xét:

+ Trong giai đoạn 2000 - 2020, số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên ở các nước Đông Nam Á còn thấp hơn so với các nước phát triển, tuy nhiên, tình trạng này đang dần được cải thiện. Ví dụ như: ở Lào: từ 3,9 năm (2000) đã tăng lên 5,4 năm vào năm 2020; ở Việt Nam từ 5,6 năm (200)) tăng lên 8,4 năm vào năm 2020,…

+ Số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên có sự chênh lệch giữa các nước trong khu vực Đông Nam Á. Trong đó: Xin-ga-po và Bru-nây là 2 quốc gia có số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên cao nhất; thấp nhất là Lào và Mi-an-ma.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV trình chiếu yêu cầu lên màn chiếu.
- Yêu cầu lớp chia thành 4 nhóm làm việc trực tiếp tại lớp.
- GV hướng dẫn cụ thể: *"Các nhóm thảo luận và ghi đáp án ra giấy A4. Ngay khi làm xong, các nhóm nộp bài lại để chấm điểm"*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS ngồi theo nhóm, nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên để hoàn thành yêu cầu GV giao.
- Khi hết giờ, các nhóm nộp bài lại để chấm điểm .
- Thời gian: 05 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi đại diện 2 nhóm thuyết trình về sản phẩm.
- Cả lớp theo dõi và đưa ra nhận xét sản phẩm.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV đánh giá chất lượng kiến thức thể hiện trên sản phẩm của HS.
- GV hướng dẫn HS chốt lại kiến thức chuẩn có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Vận dụng tri thức địa lí thu thập tư liệu về tự nhiên, dân cư để giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để hoàn thành yêu cầu: **tìm hiểu tác động của nước biển dâng, bão lũ và suy giảm tài nguyên rừng, sinh vật, biển tại ĐNA.**

c) Sản phẩm: Bài làm của nhóm HS gửi trên trang Zalo cho giáo viên .

*** Tham khảo**

Đông Nam Á (ĐNA) là một trong những khu vực chịu tổn thương nặng nề nhất toàn cầu trước biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường do có đường bờ biển dài, mật độ dân số cao tập trung ở các đồng bằng thấp và phụ thuộc lớn vào nông - ngư nghiệp.

1. Tác động của nước biển dâng (NBD)

- **Mất đất và ngập lụt vĩnh viễn:** Các đồng bằng châu thổ trù phú như Đồng bằng sông Cửu Long (Việt Nam), đồng bằng sông Chao Phraya (Thái Lan), sông Irrawaddy (Myanmar) và các vùng ven biển thấp ở Indonesia (như Jakarta) đang bị thu hẹp diện tích nghiêm trọng.
- **Xâm nhập mặn sâu vào nội địa:** Nước mặn lấn sâu làm thoái hóa đất nông nghiệp, phá hủy các vùng chuyên canh lúa gạo và cây ăn trái, đồng thời làm ô nhiễm nguồn nước ngọt sinh hoạt và sản xuất.
- **Gia tăng xói lở bờ biển và sụt lún đất:** Kết hợp với việc khai thác nước ngầm quá mức, NBD đẩy nhanh tốc độ sạt lở bờ biển, đe dọa trực tiếp đến các công trình hạ tầng giao thông, khu công nghiệp và đô thị ven biển.

2. Tác động của bão lũ và thời tiết cực đoan

- **Thiệt hại nặng nề về người và tài sản:** ĐNA nằm trên đường đi của nhiều siêu bão nhiệt đới (đặc biệt là Philippines và Việt Nam). Bão lớn kèm mưa cực đoan gây ra lũ quét, sạt lở đất ở vùng núi và ngập úng diện rộng tại các đô thị lớn (như Manila, Bangkok, Jakarta, TP.HCM).

- **Phá hủy hạ tầng và gián đoạn chuỗi cung ứng:** Lũ lụt làm hư hại hệ thống giao thông, lưới điện, cảng biển và khu công nghiệp, gây thiệt hại hàng tỷ USD mỗi năm và làm gián đoạn chuỗi sản xuất khu vực.
- **Bùng phát dịch bệnh và mất an ninh lương thực:** Nước lũ tù đọng tạo điều kiện cho các dịch bệnh truyền nhiễm (sốt xuất huyết, tả, bệnh ngoài da) lây lan; mùa màng bị cuốn trôi đẩy giá lương thực tăng cao.

3. Hệ lụy từ suy giảm tài nguyên rừng, sinh vật và biển

Lĩnh vực suy giảm	Nguyên nhân chính	Tác động trực tiếp và gián tiếp
Tài nguyên rừng	Phá rừng lấy đất nông nghiệp (cọ dầu, cao su), khai thác gỗ trái phép, cháy rừng.	**Mất "lá chắn" tự nhiên:** Rừng đầu nguồn suy giảm làm mất khả năng giữ nước, khiến lũ lụt ở hạ lưu dữ dội hơn và sạt lở đất nghiêm trọng hơn. Rừng ngập mặn ven biển bị tàn phá làm mất đi đê chắn sóng tự nhiên trước bão và NBD.
Đa dạng sinh học	Mất môi trường sống, săn bắt trái phép, biến đổi khí hậu.	**Phá vỡ cân bằng sinh thái:** Nhiều loài đặc hữu đứng trước nguy cơ tuyệt chủng; suy giảm các loài thiên địch dẫn đến bùng phát dịch hại nông nghiệp; mất đi nguồn gen quý giá phục vụ y dược và lai tạo giống.
Tài nguyên biển	Đánh bắt tận diệt, rác thải nhựa, axit hóa đại dương và nước biển ấm lên.	**Tẩy trắng san hô & cạn kiệt thủy sản:** Các rạn san hô (như khu vực Tam giác San hô) bị chết hàng loạt, làm mất nơi sinh sản của cá. Ngư dân mất sinh kế, đe dọa nguồn cung cấp protein chính cho hàng trăm triệu người dân ĐNA.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV trình chiếu yêu cầu, giao nhiệm vụ cụ thể cho 4 nhóm thực hiện ở nhà.

- GV hướng dẫn cụ thể: *"Về nhà, các nhóm mở công cụ ChatGPT/Gemini để tìm hiểu* ***tác động của nước biển dâng, bão lũ và suy giảm tài nguyên rừng, sinh vật, biển tại ĐNA.***

Hoàn thiện và nộp bản báo cáo qua Zalo cho giáo viên trước tiết học tới".

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Tại nhà, các nhóm dùng AI tạo khung văn bản thô theo cấu trúc gợi ý.
- HS tiến hành họp nhóm trực tuyến, Hoàn thiện và nộp bài làm lên Padlet/Zalo.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Vào đầu tiết học tiếp theo, GV mở Padlet/Zalo chiếu bài nộp của một nhóm đại diện.
- Cả lớp theo dõi và đưa ra nhận xét sản phẩm.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV đánh giá quá trình tự học và tư duy phản biện ở nhà của HS.
- GV hướng dẫn HS chốt kiến thức có liên quan.

4. Củng cố, dặn dò: GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành yêu cầu phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: **BÀI 12. KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**